

Phụ lục số II
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK

Năm báo cáo : 2014

I. Thông tin chung.

1. Thông tin khái quát:

- **Tên giao dịch: Công ty cổ phần Dược-Vật tư y tế Đắk Lắk.**
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6000449389**
- **Vốn điều lệ: 19.415.880.000 đồng.**
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 19.415.880.000 đồng.**
- **Địa chỉ: 09A Hùng Vương – Tp. Buôn Ma Thuột – Tỉnh Đắk Lắk**
- **Số điện thoại: 0500.3812394**
- **Số Fax: 0500.3858805**
- **Website: <http://www.bamepharm.com.vn>**
- **Mã cổ phiếu: DBM**

2. Quá trình hình thành và phát triển

- **Quá trình hình thành và phát triển: (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).**

Ngày thành lập Công ty: 14/04/1976.

Ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần: 31/12/2003 với 51% vốn điều lệ do SCIC nắm giữ và chi phối. Tháng 10/2012, 51% phần vốn góp của SCIC được chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Traphaco nắm giữ.

Thời điểm niêm yết: Công ty niêm yết trên sàn UpCOM vào tháng 08/2010.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).**

Mua bán thuốc, dược phẩm, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm. Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện. Mua bán các sản phẩm chức năng và dinh dưỡng.

- **Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).**

Địa bàn kinh doanh chính của Công ty tại 02 tỉnh: Đắk Lắk và Đắk Nông.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị.**

Mô hình quản trị của Công ty được cơ cấu theo mô hình trực tuyến-chức năng.



– **Cơ cấu bộ máy quản lý.**

Bộ máy quản lý của Công ty được cơ cấu như sau:

* Quản lý cấp cao: Ban Tổng Giám đốc điều hành.

* Quản lý cấp trung: Gồm Kế toán trưởng, Giám đốc kinh doanh, các trưởng phòng: Kế toán - Tài chính, Kế hoạch-Nghiệp vụ, Tiếp thị bán hàng, Tổng hợp nội vụ, QA và Giám đốc các chi nhánh.

* Quản lý cấp cơ sở: Phó phòng, Trưởng kho và trưởng các nhà thuốc trung tâm tại các huyện và thành phố thuộc Tỉnh Đắk Lắk.

– **Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết):**
Không.

5. **Định hướng phát triển**

– **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.**

- Ổn định cấu trúc tổ chức và bộ máy quản lý nhằm đạt các chỉ tiêu tăng trưởng một cách bền vững.
- Tập trung xây dựng, củng cố và phát huy nguồn lực con người để làm nền tảng cơ bản cho năm kế hoạch và những năm kế tiếp.
- Quản trị chi phí một cách hiệu quả.
- Gia tăng thị phần bán lẻ tại Tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông. Tiếp cận và khai thác thị trường doanh nghiệp đã có mối quan hệ trong các năm qua.
- Ổn định và duy trì thị phần điều trị Tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông cho kế hoạch 05 năm từ 2012-2017.
- Đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh phù hợp với năng lực thực tế của doanh nghiệp.

– **Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

Chiến lược về quản lý:

Trước hết về cơ cấu tổ chức. Thực hiện cấu trúc tổ chức và bộ máy quản lý Công ty theo mô hình trực tuyến chức năng nhằm đảm bảo nguồn thông tin và thực hiện mệnh lệnh có tính thống nhất cao.

Thứ hai, Quản trị chi phí và rủi ro. Áp dụng phần mềm hỗ trợ trong công nghệ thông tin để kiểm soát hoạt động doanh thu và chi phí. Tập trung rà soát và giảm các khoản chi phí: điện, văn phòng phẩm, vận chuyển, chi phí thời gian nhân rồi và chi phí không chế. Kiểm soát tốt dòng tiền lưu thông và các khoản nợ, điều hành linh hoạt trong chính sách tín dụng nhằm hạn chế rủi ro.

Thứ ba, phân phối tiền lương. Duy trì định mức khoán tiền lương đối với các đơn vị trực thuộc, đảm bảo chi trả lương trên cơ sở năng lực và hiệu quả công việc.

Thứ tư, hoạt động đoàn thể. Phối hợp và giao trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức đoàn thể giải quyết các vướng mắc về tư tưởng, động viên, khích lệ các thành viên trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính tại doanh nghiệp một cách hiệu quả.

Thứ năm, khai thác hiệu quả tài sản cố định. Tiến hành đánh giá hiệu quả sử dụng các tài sản cố định có gắn liền với đất (bao gồm đất thuê và đất sở hữu), trả hoặc cho thuê đất sử dụng không hiệu quả.

Thứ sáu, đa dạng sản phẩm kinh doanh. Mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp với năng lực thực tế của Công ty, nhằm gia tăng doanh thu, lợi nhuận và nâng cao hình ảnh thương hiệu của Công ty tại thị trường Đắk Lắk và vùng lân cận.

Chiến lược về đầu tư:

Trước hết về thực hiện GPs. Ổn định mạng lưới, cơ sở đã được cấp phép và phát huy hiệu quả từ xây dựng GPs mang lại.

Thứ hai, xây dựng cơ bản. Đầu tư có trọng điểm trên cơ sở tính đến hiệu quả lợi nhuận từ dòng tiền đầu tư.

Thứ ba, con người. Tập trung chọn lọc, bồi dưỡng đội ngũ kế cận ở các cấp quản lý có đầy đủ trình độ, năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng một phong cách làm việc chuyên nghiệp cho người lao động thông qua đào tạo thực tiễn và đào tạo tập trung ngắn ngày.

Thứ tư, phương tiện làm việc. Trên cơ sở nhu cầu phát triển doanh thu và thực hiện mục tiêu của Công ty, sẽ đầu tư trang bị phương tiện làm việc phù hợp và mang lại hiệu quả cao.

Chiến lược thị trường

Thứ nhất, về Sản phẩm kinh doanh chính. Tập trung khai thác sản phẩm chủ lực mà Công ty có lợi thế và thị trường còn bỏ ngõ nhằm gia tăng lợi nhuận và tăng thị phần.

Thứ hai, chăm sóc khách hàng. Phân bổ ngân sách từ đầu năm kế hoạch để đưa ra các định hướng chăm sóc khách hàng, nhằm thực hiện được các mục tiêu đã đặt ra.

Thứ ba, nhà cung cấp chủ lực. Định hướng nhà cung cấp chủ lực nhằm tạo lợi thế khác biệt về chi phí so với đối thủ cạnh tranh.

Thứ tư, mối quan hệ. Tăng cường các mối quan hệ với các cơ quan hữu quan trong Tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ để duy trì và phát triển hệ thống.

Thứ năm, thương hiệu. Tập trung tận dụng lợi thế về hệ thống thông tin của Công ty để quảng bá hình ảnh đồng thời triển khai giao dịch thông qua thương mại điện tử.

Chiến lược lãnh đạo

Thứ nhất, phong cách lãnh đạo. Vận dụng linh hoạt phong cách lãnh đạo từng đối tượng cụ thể trên cơ sở lấy mục tiêu và lợi ích chung của Công ty làm trọng tâm.

Thứ hai, xây dựng văn hóa tổ chức. Triển khai từng bước về 05 giá trị cốt lõi của Công ty.

Thứ ba, người quản lý. Xây dựng đội ngũ quản lý của Công ty phải có trình độ, kiến thức về nghiệp vụ đảm trách và năng lực về quản lý.

– Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

* Đảm bảo chất lượng sản phẩm phân phối ra thị trường với mục tiêu vì sức khỏe cộng đồng.

* Thực hiện chăm lo, chia sẻ với cộng đồng thông qua các hoạt động từ thiện.

* Kinh doanh phân phối vì môi trường xanh, sạch.

6. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).

* Chính sách pháp luật của nhà nước về kinh doanh ngành nghề của Công ty không ổn định.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.**

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	Tỷ lệ (%) 2014/2013
Tổng doanh thu	317.009.872.432	362.177.622.776	+14,2%
Chi phí kinh doanh	39.011.309.499	42.690.334.810	+8,6%
Chi phí tài chính	26.068.959	0	
Lợi nhuận trước thuế	12.549.845.702	13.067.292.598	+3,95%
Lợi nhuận sau thuế	8.664.975.838	9.837.652.675	+11,92%
FL	2,09	1,96	-6,63%
LN trước thuế / Tổng doanh thu	3,96	2,71	-4,61%
Cổ tức	25%	12%	
EPS	4.463	5.067	-32,11%

2. Tổ chức và nhân sự

– **Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).**

* Ban Tổng Giám đốc điều hành:

a. Tổng Giám đốc: Nguyễn Thị Kim Liên – Sinh năm 1961 - Dược sĩ Đại học.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 32.220 cổ phần tương đương 1,66% vốn điều lệ Công ty.

b. Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Ngọc Tuyên – Sinh năm 1966 - Tiến sĩ kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 17.445 cổ phần tương đương 0,89% Vốn điều lệ Công ty.

c. Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Thanh Hân – sinh năm 1988 – Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần tương đương 0% vốn điều lệ công ty.

– **Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.**

Đến cuối năm 2014, số lượng CBNV tại Công ty là 187 người.

Số lượng nghỉ theo chế độ 06 người và số lượng lao động tuyển dụng mới 03 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết): **Xây dựng chi nhánh Đắk Nông. Kinh phí dự kiến: 1,6 tỷ đồng.**

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): **Không.**

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	84.031.483.320	89.528.079.005	+6,14%
Doanh thu thuần	316.936.097.844	361.850.434.924	+12,41%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.863.359.560	12.259.466.114	+3,23%
Lợi nhuận khác	686.486.142	807.826.484	+15,02%
Lợi nhuận trước thuế	12.549.845.702	13.067.292.598	+3,96%
Lợi nhuận sau thuế	8.664.975.383	9.837.652.675	+11,92%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	25%	12%	- 108,33%

– Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ĐVT: triệu đồng

Mục lục	2013	2014	Tỷ lệ	So sánh các chỉ tiêu với chỉ tiêu KH 2014
1. Tổng doanh thu	317.009	362.177	+14,2%	+18,1%
2. Thu tiền hàng bình quân	26.748	31.915	+19,3%	
3. Nợ phải trả bình quân: + Vòng quay khoản phải trả + Kỳ trả tiền bình quân	7,39 48,7	11,87 30,3	+4,48	+2,87
4. Tồn kho bình quân + Vòng quay hàng tồn kho + Số ngày tồn kho bình quân	8,67 41,5	11,67 30,85	+ 3	+2,07
5. Nợ phải thu bình quân + Vòng quay khoản phải thu + Kỳ thu tiền bình quân	16 22,5	14,97 24,05	(1,03)	+3,97
6. Thanh toán tiền hàng bình quân	23.279	26.398	+13,3%	
7. Vốn lưu động: + Vòng quay vốn lưu động + Số ngày quay vòng	9,25 38,9	10,19 35,3	+0,94	+0,69
8. FL	2,09	1,96	(6,2%)	(14,8%)
9. EAT	8.664	7.556	(12,8%)	+34,9%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 1.941.588 cổ phần (không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng).

b) Cơ cấu cổ đông:

* Cổ đông lớn: Công ty CP Traphaco 58,2%.

* Cổ đông nhỏ: 41,8%, trong đó:

- Cổ đông là tổ chức: Công ty CP đầu tư Nam Dương 3%, Công ty chứng khoán Kim Eng Singapor 8,6%, Công ty America LLC 0,29%

- Cổ đông là cá nhân nước ngoài: 0,29%.

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu...vvv thành cổ phần: Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ 2:1 vào tháng 08/2014. Vốn Điều lệ hiện tại là: 19.415.880.000 đồng

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: Số cổ phiếu lẻ do quá trình làm tròn đến hàng đơn vị trong đợt phát hành cổ phiếu tháng 08/2014 là: 04 cổ phiếu.

e) **Các chứng khoán khác:** nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2013	Tỷ lệ tăng trưởng
1	Doanh thu bán buôn	Tỷ đồng	144,295	132,675	8,7%
2	Doanh thu bán lẻ	Tỷ đồng	14,638	15,296	(4,4%)
3	Mạng lưới	Quầy	635	575	10,4%
4	Doanh thu sản phẩm - Hàng gia công nhập khẩu - Hàng Traphaco	Tỷ đồng	12,6 11,2	12,48	0,09%

2. Tình hình tài chính

2.1 Kiểm soát các khoản nợ

Năm 2014 việc phối hợp giữa nợ phải trả và nợ phải thu tiếp tục theo qui trình chuẩn hóa. Mặc dầu trong năm, gần 7 tháng liên tục, doanh thu ETC tăng đột biến, gây sức ép mất cân đối giữa nợ phải trả và nợ phải thu, hàng hóa các BV ký gửi chiếm tỷ trọng khá cao nhưng Công ty đã thực hiện tốt kiểm soát các khoản nợ này để điều hành linh hoạt dòng tiền của mình. Chính việc này đã cải thiện dòng tiền của Công ty. Cấu trúc vốn cũng được cải thiện. Nợ rủi ro từ đối tượng khách hàng ETC và OTC giảm rõ rệt so với năm 2013.

Công ty thực hiện định mức nợ phải thu theo tinh thần quyết nghị: duy trì định mức OTC và định mức mới ETC. Tuy nhiên định mức ETC chưa được thực hiện tốt do chạy thầu từ tháng 04/2014 và cơ chế tăng doanh thu từ hệ thống này. Điều này cũng ảnh hưởng lớn về dư nợ dòng tiền và chi phí của Công ty đối với một số bệnh viện khả năng thanh toán thấp.

Trong năm 2014, một số quyết nghị của Hội đồng quản trị trong kế hoạch tài chính về kiểm soát nợ không được nghiêm túc thực hiện trong năm 2014 như sau:

* Kế hoạch phát triển gam hàng chủ lực (GCNK) không được xây dựng từ đầu năm. Bên cạnh đó việc dự báo ngân sách mua hàng cho nhóm hàng này cũng không có kế hoạch đầu năm và kế hoạch quý. Vấn đề này cũng đã được đánh giá trong năm 2013 và đã đưa ra quyết nghị 2014, nhưng Công ty không thực hiện.

* Bán hàng cho các gói thầu riêng lẻ tại các BV không có sự kiểm soát về doanh thu tháng, chỉ thực hiện dồn toa vào cuối thời hạn gói thầu dẫn đến khả năng chi trả của các BV hạn chế, vì thế làm ảnh hưởng đến dòng nợ của tháng và hiệu quả sử dụng vốn.

2.2 Kiểm soát tồn kho

Công tác kiểm soát giá trị hàng hóa tồn kho toàn hệ thống theo tháng, Quý đã được duy trì và đi vào chiều sâu của quản trị tồn kho. Việc định mức tồn kho cho toàn hệ thống tiếp tục được duy trì. Tuy nhiên, việc chỉ đạo điều hành tồn kho theo quyết nghị của HĐQT về khoản mục này vẫn có điều chưa thực hiện:

* Không có phương án bán hàng sản phẩm GCNK nên vòng quay sản phẩm GCNK không đạt định mức và vòng quay tài chính (lợi nhuận giữ lại chỉ có 3%) và không thực hiện chế tài cũng như qui trách nhiệm bồi thường thiệt hại, mặc dầu có ra định mức các chi phí, lợi nhuận, tồn kho sản phẩm này (bình quân sản phẩm đạt hiệu quả 11/38 sản phẩm).

2.3 Kiểm soát giá đầu vào

Việc kiểm soát giá đầu vào, đặc biệt là các sản phẩm tham gia trong các gói thầu tại Đăklăk và Đăk Nông đã được ổn định trong thời gian thầu. Các sản phẩm cung ứng cho thị trường OTC cũng đã được chú ý kiểm soát về giá. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại chưa được thực hiện theo quyết nghị trong năm 2014:

* Sản phẩm Dược liệu chưa có biện pháp hữu hiệu quản lý giá. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến cạnh tranh của Công ty trên thị trường phân phối sản phẩm này.

2.4 Kiểm soát chi phí

Thu, chi tài chính năm 2014 do TGD quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Công tác hậu kiểm chứng từ sau thu, chi do bộ phận tài chính công ty thực hiện. Qua kiểm tra chứng từ, việc chấp hành đúng nguyên tắc trên cơ sở hợp lý và hợp lệ vẫn còn nhiều sai sót và đã được chấn chỉnh. Các khoản mục chi phí theo phân bổ đều nằm trong kế hoạch hoặc có gia tăng nhưng đảm bảo hợp lý. Việc áp dụng các chính sách trong đòn bẩy tài chính được thực hiện nghiêm túc. Kiểm soát chi phí khổng chế đã được thực thi bằng các giải pháp quản lý đồng bộ.

2.5 Kiểm soát hiệu quả sử dụng tài sản cố định

Việc sử dụng tài sản cố định của Công ty được kiểm soát tương đối. Tuy nhiên vẫn còn một số tài sản cố định khi chuyển đổi hình thức hoạt động kinh doanh còn chưa tính toán trước khi chuyển đổi dẫn đến hiệu quả sử dụng chưa tốt. Việc đầu tư mới tài sản cố định chưa thực hiện thẩm định về hiệu quả đầu tư theo quyết nghị của HĐQT.

2.6 Quản trị tài chính

Kiểm soát vốn, kiểm soát dòng tiền nhằm đảm bảo an toàn vốn và tính thanh khoản của Công ty được thực hiện nghiêm túc. Khai thác hiệu quả sử dụng vốn cũng được thực hiện theo quyết nghị của HĐQT nhằm gia tăng lợi nhuận từ thu nhập tài chính. Lập báo cáo tài chính được thực hiện đúng tiến độ và chính xác. Tuy nhiên việc ban hành qui định kiểm soát phương thức chi trả tiền cho khách hàng, nhất là khách hàng ETC chưa thực hiện nghiêm túc theo quyết nghị của HĐQT.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

* Thiết lập cấu trúc tổ chức công ty hợp lý phù hợp với kinh doanh. Chuyển dịch cơ cấu nhân sự từ gián tiếp sang trực tiếp nhằm tăng hiệu quả hoạt động.

* Áp dụng hệ thống thông tin quản lý để nâng cao năng lực quản trị điều hành.

* Ban hành và điều hành các chính sách kinh doanh linh hoạt nhằm tăng lợi thế.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai (năm 2015)

a. Tái cấu trúc bộ máy quản lý trên cơ sở nâng cao năng lực quản lý cải tiến phương thức điều hành.

b. Phát triển thị trường và tăng trưởng thị phần OTC; Củng cố thị phần ETC.

c. An toàn vốn đi đôi với đảm bảo thu nhập người lao động và hiệu quả kinh doanh.

d. Đầu tư có trọng điểm và hiệu quả.

e. Nâng cao các mối quan hệ.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): Không.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2014 với sự chỉ đạo linh hoạt, kịp thời của hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đã hoàn thành tốt các mục tiêu ĐHCĐ đề ra trong năm. Luôn tăng cường phát triển các mối quan hệ, nâng cao năng lực tham gia đấu thầu nhằm duy trì thị phần điều trị, tiếp tục phát triển hệ thống bán lẻ đạt tiêu chuẩn GPP nâng cao thương hiệu công ty và phát triển hệ thống phân phối OTC. Các hoạt động quản lý chất lượng: Duy trì các hoạt động quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GPs: GDP, GPP, GSP

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong quá trình hoạt động ngoài việc ban hành các qui chế phù hợp với từng giai đoạn hoạt động kinh doanh, năm 2014 Hội đồng quản trị đã chú tâm đến chiến lược hoạt động kinh doanh, cùng với Tổng Giám đốc phân tích thấu đáo tình hình thị trường để kịp thời đưa ra mục tiêu và những giải pháp, đồng thời giám sát hoạt động trên các mục tiêu đưa ra. Năm 2014 Ban Tổng giám đốc điều hành công ty đã áp dụng nhiều giải pháp về quản lý tài chính hiệu quả đã giảm thiểu nhiều rủi ro, đảm bảo

đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, gia tăng lợi nhuận và vốn chủ sở hữu. Ban TGD cũng đã vận dụng rất linh hoạt các qui chế, gia tăng hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, quan tâm đến việc vừa thúc đẩy vừa động viên tinh thần làm việc của người lao động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2015 được dự đoán là năm tiếp tục những khó khăn về mặt kinh tế, trong khi đó việc đấu thầu cho hệ thống điều trị theo thông tư 01, việc tổ chức đấu thầu theo từng sản phẩm là một khó khăn lớn cho Công ty. Hệ thống OTC phụ thuộc nhiều vào nguồn kinh tế từ cây công nghiệp chủ lực của Tỉnh. Trước những khó khăn này Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục bám sát nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2015, phát huy những thế mạnh đã đạt được năm 2014, phân tích những khó khăn hạn chế những mặt yếu, vận dụng linh hoạt chuyển biến những thách thức thành cơ hội cho Công ty phát triển.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

- Chủ tịch HĐQT: Nguyễn Thị Kim Liên – TGD điều hành – Tỷ lệ sở hữu 1,66%/ VDL

- Phó chủ tịch HĐQT: Nguyễn Mậu Hoàng Sơn – Không tham gia điều hành - Đại diện phần vốn góp của Traphaco.

- UVHĐQT: Đinh Trung Kiên – Không tham gia điều hành - Đại diện phần vốn góp của Traphaco.

- UVHĐQT: Nguyễn Ngọc Tuyên- PTGD tài chính – Tỷ lệ sở hữu 0,89% / VDL

- UVHĐQT: Huỳnh Thị Cẩm Vân – Trưởng phòng KHN Công ty – Tỷ lệ sở hữu 0%.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban): Không.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao đã tiến hành họp để thông qua kịp thời các hoạt động của Công ty như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Thành viên tham dự
1	197/2014/NQ- HĐQT	14/04/2014	Thông qua các nội dung ĐHĐCĐ thường niên 2014 và sửa đổi, bổ sung quy chế quản trị nội bộ của công ty.	5/5
2	259/2014/NQ- HĐQT	23/06/2014	Thông nhất phương án xử lý cổ phiếu lẻ khi phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	5/5
3	274/2014/NQ- HĐQT	04/07/2014	Thông qua một số nội dung về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	5/5
4	324/2014/NQ- HĐQT	05/08/2014	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng công ty	5/5
5	340/2014/NQ- HĐQT	16/08/2014	Thông qua kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2014. Phương hướng hoạt động 06 tháng cuối năm 2014.	5/5
6	548/2014/NQ- HĐQT	29/12/2014	Thông qua kết quả hoạt động 2014. Phương hướng hoạt động của 2015.	5/5

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Hai thành viên độc lập không điều hành hiện đang làm việc tại Công ty CP Traphaco với các nhiệm vụ:

a. Ông Nguyễn Mậu Hoàng Sơn: Giám đốc chi nhánh Traphaco tại Đà Nẵng.

b. Ông Đinh Trung Kiên: Kế toán trưởng Công ty CP Traphaco.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp): Không

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

a. Ông Nguyễn Ngọc Tuyên: Tiến sĩ khoa học quản lý

b. Ông Đinh trung Kiên: Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

- Trưởng BKS: Ông Nguyễn Văn Thông – tỷ lệ sở hữu cổ phần công ty 0%.

- Thành viên BKS: Ông Trần Anh Tuấn – tỷ lệ sở hữu cổ phần công ty 0,0015%

- Thành viên BKS: Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tín – Đại diện phần vốn góp của Traphaco

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

1. Năm 2014 Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, điều lệ Công ty, quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Tổ chức các cuộc họp, xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm tra kiểm soát năm 2014, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của công ty, định kỳ kiểm tra trực tiếp tình hình quản lý hoạt động SXKD của đơn vị. Đồng thời tổ chức thẩm tra báo cáo tài chính năm 2014.

3. Trên cơ sở thông tin tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng của công ty cung cấp; Các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc như: Kiểm tra, rà soát lại các tờ trình của Tổng giám đốc; Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đồng thời có ý kiến đóng góp kịp thời.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/ không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

193
T
Y
I
A
T
U
Y
A
K
D
T

- Thu nhập của Ban Tổng giám đốc năm 2014: **1.039.811.111 đồng (Đã bao gồm thù lao HĐQT năm 2013 được chi vào tháng 05/2014).**

- Thù lao HĐQT và BKS năm 2014: **450.000.000 đồng**

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán:

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán** (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



DS Nguyễn Thị Kim Liên